

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 70/2005/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn Quy chế quản lý tài chính

đối với Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Thông tư này áp dụng cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quỹ).
- Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội. Quỹ được thành lập để tiếp nhận vốn từ Ngân sách Nhà nước; huy động các nguồn vốn nhàn rỗi của các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư phát triển, cho vay hỗ trợ các dự án và chương trình mục tiêu quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của Thành phố Hà Nội.
- Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có các quyền theo pháp luật và chịu trách nhiệm về tài sản trong phạm vi giới hạn số vốn điều lệ do Quỹ quản lý. Quỹ được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để phục vụ các hoạt động giao dịch, thanh toán.
- Hoạt động của Quỹ thực hiện theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro.
- Quỹ có trách nhiệm đăng ký, kê khai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước về các khoản thuế phải nộp và được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của

pháp luật.

II. NỘI DUNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

1. Vốn hoạt động

Vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn điều lệ và vốn huy động.

1.1. Vốn điều lệ của Quỹ khi thành lập là 1.000 (một nghìn) tỷ đồng Việt Nam, được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Tiếp nhận vốn điều lệ hiện có của Quỹ Phát triển nhà ở Thành phố Hà Nội;
- b) Ngân sách Thành phố Hà Nội cấp ngoài phần đã cân đối để thực hiện dự toán chi được giao hàng năm;
- c) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- d) Tiền đóng góp tự nguyện, các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hình thành vốn điều lệ.

Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ do UBND Thành phố Hà Nội quyết định trên cơ sở ý kiến đồng thuận của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

1.2. Vốn huy động: Quỹ được huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, bao gồm:

- a) Vay trực tiếp từ tổ chức, cá nhân;
- b) Phát hành trái phiếu đầu tư của Quỹ;
- c) Các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.

Trong hai năm đầu kể từ ngày Quỹ chính thức đi vào hoạt động, để đảm bảo an toàn vốn, tổng vốn huy động không quá 01 (một) lần vốn điều lệ thực có; trường hợp cần thiết, Quỹ báo cáo Bộ Tài chính quyết định điều chỉnh giới hạn huy động vốn của Quỹ.

2. Vốn nhận uỷ thác quản lý

2.1. Quỹ được nhận uỷ thác đầu tư, cho vay, thu hồi nợ; nhận uỷ thác cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ: Ngân sách Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận uỷ thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân uỷ thác.

2.2. Các nguồn vốn Quỹ nhận uỷ thác quản lý nêu tại điểm 2.1 Mục này không tính vào vốn hoạt động của Quỹ.

3. Nguyên tắc sử dụng vốn

Việc sử dụng các nguồn vốn của Quỹ phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

- 3.1. Tự chủ về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn;
- 3.2. Sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả;
- 3.3. Thu hồi kịp thời vốn gốc và lãi để đảm bảo hoàn vốn và bù đắp chi phí;
- 3.4. Đáp ứng yêu cầu thanh toán thường xuyên của Quỹ;

4. Giới hạn sử dụng vốn

- 4.1. Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án của Quỹ tối đa bằng 50% tổng số vốn điều lệ thực có và vốn huy động tại thời điểm thực hiện.
- 4.2. Giới hạn cho vay đối với một dự án tối đa bằng 15% tổng số vốn điều lệ thực có và vốn huy động của Quỹ tại thời điểm thực hiện.
- 4.3. Giới hạn góp vốn thành lập tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% tổng số vốn điều lệ thực có và vốn huy động tại thời điểm thực hiện.
- 4.4. Giới hạn đầu tư trên thị trường vốn (trừ Trái phiếu Chính phủ) tối đa bằng 20% tổng số vốn điều lệ thực có và vốn huy động tại thời điểm thực hiện. Giới hạn đầu tư vào một loại chứng khoán tối đa bằng 2% tổng số vốn điều lệ thực có và vốn huy động tại thời điểm thực hiện.

5. Thanh toán và bảo toàn vốn

- 5.1. Quỹ có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ, đúng hạn vốn và lãi đối với tất cả các khoản vay trong và ngoài nước, bao gồm cả các khoản tín dụng quốc tế do Chính phủ cho phép Quỹ tiếp nhận.
- 5.2. Quỹ có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro nghiệp vụ và các loại bảo hiểm khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- 5.3. Khi xảy ra rủi ro, tổn thất vốn, tài sản, Quỹ phải kịp thời xác định rõ nguyên nhân, mức độ tổn thất và lập phương án xử lý:
 - a) Trường hợp rủi ro tổn thất do nguyên nhân chủ quan của cá nhân, tập thể thì cá nhân, tập thể gây ra tổn thất tài sản phải bồi thường. Mức độ bồi thường do Hội

đồng quản lý Quỹ quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Trường hợp rủi ro, tổn thất do các nguyên nhân khách quan sẽ được bù đắp bằng quỹ dự phòng rủi ro. Nếu là rủi ro, tổn thất bất khả kháng do thiên tai, bão lụt, hoả hoạn..., thì sau khi đã được nhận tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có) và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp mà vẫn không đủ thì Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo rõ nguyên nhân và mức độ thiệt hại để UBND Thành phố Hà Nội xem xét, quyết định (sau khi tham khảo ý kiến của Bộ Tài chính).

6. Khấu hao tài sản cố định, chi xây dựng cơ bản, mua sắm và quản lý tài sản cố định

6.1. Quỹ thực hiện chế độ trích và sử dụng khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành như đối với doanh nghiệp nhà nước.

6.2. Nguồn vốn để xây dựng mới, sửa chữa và mua sắm tài sản cố định của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

a) Một phần của vốn điều lệ để xây dựng cơ sở vật chất ban đầu. Mức vốn sử dụng xây dựng cơ sở vật chất ban đầu tối đa không quá 8% vốn điều lệ thực có và do Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo UBND Thành phố Hà Nội quyết định.

b) Nguồn vốn khấu hao cơ bản tài sản cố định.

c) Các nguồn vốn khác như nguồn vốn viện trợ của các tổ chức trong và ngoài nước theo các dự án tài trợ.

6.3. Quỹ thực hiện công tác xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định trong phạm vi nguồn vốn xây dựng cơ bản đã có và theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng.

III. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Các khoản thu của Quỹ

- Thu nhập từ hoạt động đầu tư trực tiếp;
- Thu lãi cho vay vốn;
- Thu lãi tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại;
- Thu phí nhận uỷ thác theo hợp đồng uỷ thác;

- Thu nhập từ hoạt động trên thị trường vốn;
- Thu cấp bù chênh lệch lãi suất do ngân sách Thành phố Hà Nội cấp (nếu có);
- Thu từ thanh lý tài sản cố định;
- Các khoản thu khác phát sinh trong quá trình hoạt động.

2. Chi phí hoạt động

2.1. Chi phí nghiệp vụ:

- Chi trả lãi các khoản huy động;
- Chi phí liên quan đến việc góp vốn thành lập tổ chức kinh tế (nếu có);
- Chi trả phí dịch vụ uỷ thác theo hợp đồng uỷ thác;
- Chi phí cho việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu và huy động vốn;
- Chi phí cho các hoạt động tham gia thị trường vốn;
- Chi phí dịch vụ, hoa hồng môi giới theo dự toán, hợp đồng kinh tế;
- Chi phí phát sinh trong việc thẩm định đầu tư, cho vay, kiểm tra, thu hồi nợ của các dự án đầu tư hoặc các đối tượng được Quỹ cho vay vốn đầu tư;
- Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro. Mức trích cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ quy định hàng năm nhưng không được thấp hơn 0,2% tổng số dư nợ cho vay bình quân trong năm (không kể dư nợ cho vay uỷ thác).
- Chi mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro nghiệp vụ và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật;
- Chi bù đắp tổn thất tài sản theo quy định;
- Các chi phí nghiệp vụ khác.

2.2. Chi phí quản lý:

- Chi lương, các loại phụ cấp lương;
- Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản phải nộp theo lương theo quy định hiện hành;
- Chi trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Việc trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm thực hiện như quy định đối với doanh nghiệp nhà nước;
- Trích kinh phí công đoàn;
- Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành;